

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XỬ LÝ QUAN HỆ VỚI CÁC NƯỚC LỚN

ĐẶNG ĐÌNH QUÝ*

Trong xem xét tình hình thế giới và xử lý quan hệ đối ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đặc biệt đến các nước lớn và xử lý quan hệ với các nước lớn. Là nước nhỏ, có vị trí địa - chiến lược khá đặc biệt nên việc xử lý tối ưu quan hệ với các nước lớn luôn được coi là yêu cầu trọng yếu của công tác đối ngoại Việt Nam từ trước đến nay.

Vị trí, vai trò của các nước lớn trong đời sống quốc tế

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhận thức sâu sắc vị trí quyết định của nước lớn trong cơ cấu quyền lực thế giới. Người cho rằng, đời sống và xã hội hiện nay phụ thuộc trước hết vào những trung tâm công nghiệp lớn mạnh và vào những đường giao thông. Trung tâm công nghiệp lớn hàm ý là các nước lớn, các trung tâm quyền lực lớn. Các nước lớn đóng vai trò quyết định trong việc gìn giữ hòa bình hay bùng nổ chiến tranh trong đời sống quốc tế. Người nhận xét: “Thế giới hòa bình có thể thực hiện nếu các nước trên thế giới, nhất là những nước lớn, đều sẵn sàng giải quyết những xích mích giữa các nước bằng cách thương lượng”⁽¹⁾.

Nhận xét trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể hiểu là: thế giới có thể hòa bình nếu các nước lớn không có “xích mích”, hoặc nếu có xích mích thì các nước lớn sẵn sàng giải quyết bằng các biện pháp hòa bình. Trong câu nói: trở ngại lớn nhất để thực hiện hòa bình thế giới nằm trong “chính sách “thực lực”, chính sách tăng cường quân bị, chuẩn bị chiến tranh của vài cường quốc”⁽²⁾, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra nguyên nhân của chiến tranh là chính sách gây chiến của các cường quốc. Như vậy, trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nước lớn đóng vị trí, vai trò quan trọng đối

với vấn đề liên quan đến chiến tranh hay hòa bình của thế giới.

Hơn ai hết, bằng chính sự trải nghiệm cá nhân, bằng chủ nghĩa yêu nước và tư duy mác-xít, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu rõ vị trí địa - chiến lược của Việt Nam trong mối quan hệ giữa các nước lớn và trong sự dính líu trực tiếp của tất cả các nước lớn ở bán đảo Đông Dương trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Những nguyên tắc mà Người nêu ra liên quan đến các phương diện của mối quan hệ này là một trong những nội dung quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại.

Phương cách xử lý quan hệ với các nước lớn

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy rất rõ rằng, Việt Nam là một nước nhỏ, để đương đầu với các nước lớn hơn ta về nhiều mặt, ngoại giao đóng một vai trò rất quan trọng, “ngoại giao cho khéo”⁽³⁾; “Ngoại giao ai thuận lợi hơn, thì thắng”⁽⁴⁾. Đó chính là sự vận dụng tinh hoa tư duy “Ngũ tri” (năm điều cần phải

* TS, Giám đốc Học viện Ngoại giao

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t. 7, tr. 281

(2) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t. 8, tr. 201

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t. 3, tr. 538, 514

biết) của triết lý phương Đông: biết mình, biết người, biết thời thế, biết dừng và biết biến khi xử lý quan hệ với các nước lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rất rõ những phương cách đặc biệt trong đối xử ngoại giao với các nước lớn qua các “nguyên tắc vàng” sau:

Một là, “đĩ bất biến, ứng vạn biến”. Cái “bất biến” là độc lập, tự chủ, cái “vạn biến” là những cái có thể ứng xử linh hoạt, mềm dẻo, có thể nhân nhượng. Nguyên tắc nổi bật và xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ với các nước lớn nói riêng là giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh và tranh thủ hợp tác quốc tế. Trong cuốn *“Đường cách mệnh”* xuất bản năm 1927, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đó là Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh: “nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì chắc Quốc tế đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁽⁵⁾. Bài thơ *“Cảnh bình đả trừ đồng hành”* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong cuốn *“Nhật ký trong tù”* thể hiện một triết lý sâu xa của Người về việc mất “quyền tự do” và “tự chủ”: *Trên đời nghìn vạn điều cay đắng/ Cay đắng chi bằng mất tự do?/ Mỗi việc mỗi lời không tự chủ./ Để cho người dắt tựa trâu bò!* Đầu tháng 11-1945, trong điện chúc mừng lãnh tụ Đảng Cộng hòa Bình dân, Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản Pháp đã giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử, Người viết: “nếu nước Pháp chịu thừa nhận nền độc lập của Việt Nam, dân chúng Việt Nam sẽ hết sức hòa hảo với nước Pháp. Trái lại thế, dân chúng Việt Nam quyết rõ đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho sự tự do”⁽⁶⁾.

Trên cơ sở nguyên tắc kiên quyết giữ vững độc lập, tự chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh xử lý quan hệ với các nước lớn rất linh hoạt, mềm dẻo, tức là phải “ngoại giao cho khéo”. Ngày 28-11-1945, tại cuộc họp Hội đồng Chính phủ bàn về chính sách ngoại giao, quan điểm của Người thể hiện rõ trong kết luận của cuộc họp: Ngoại giao đối với Pháp: Nguyên tắc của Chính phủ là: a- Nhất quyết

đòi quyền độc lập; b- Chỉ có thể nhượng bộ ít nhiều về kinh tế, văn hóa; Ngoại giao đối với Trung Hoa: Cùng một nguyên tắc là không nhượng bộ về vấn đề độc lập của Việt Nam⁽⁷⁾. Điều đó có nghĩa, nhân nhượng có nguyên tắc là cơ sở của “đĩ bất biến, ứng vạn biến” - nét đặc trưng cho cái khéo của nền ngoại giao nước nhỏ.

Hai là, giữ thế diện cho nước lớn. Cái khéo của nền ngoại giao nước nhỏ còn là không làm nước lớn mất thế diện. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn không nên “si nhục” đối phương, vì như thế sẽ kích động tinh thần tự ái dân tộc của Pháp. Đối với Mỹ, Người chủ trương “trai thăm dò”⁽⁸⁾ hoặc “nhịp cầu vàng”⁽⁹⁾ cho Mỹ rút lui mà không mất mặt. Người còn trực tiếp nói với chính giới Mỹ: “Chúng tôi sẵn sàng trai thăm dò và rắc hoa cho Mỹ rút... Chúng tôi sẵn sàng nói chuyện với kẻ xâm lược... Hồ Chí Minh chỉ muốn hòa bình... Mỹ phải rút khỏi Việt Nam rồi Tổng thống Giôn-xon đến đây nói chuyện cũng được, hoặc ông ta có mời tôi đến Oa-sinh-ton tôi cũng sẵn sàng! Nhưng trước hết Mỹ phải để chúng tôi yên. Mỹ phải chấm dứt chiến tranh”⁽¹⁰⁾. Về phương pháp thực hiện, Người cho rằng, “đối với Mỹ ta có cách chủ động để đi tới cho nó rút ra, vì rất phức tạp. Một tay ta đánh, một tay mở cho nó ra, trước cửa cần có rèm chống”⁽¹¹⁾.

Trong dịp gặp đoàn đầu tiên đi dự cuộc đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam tại Pa-ri do Bộ trưởng Xuân Thủy dẫn đầu, Bác dặn: “Mỹ là nước lớn đứng đầu thế giới tư bản, buộc phải ngồi

(5) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t. 2, tr. 293

(6) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t. 4, tr. 97 - 98

(7) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 3, tr. 88

(8) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, *Sđđ*, t. 9, tr. 311

(9) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t. 11, tr. 358

(10) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, *Sđđ*, t. 9, tr. 312

(11) *Sự nghiệp quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, tr. 223

đàm phán, thương lượng đã là thất bại rồi, vì thế Bác yêu cầu là không được làm Mỹ mất mặt. Phải tế nhị, khéo léo, lúc cương lúc nhu thì mới gọi là đàm phán hòa bình, mới đạt kết quả”⁽¹²⁾.

Tháng 4-1969, khi Bộ Chính trị họp bàn về việc đánh cho Mỹ rút quân, Bác nói: “trong cuộc chiến tranh này Mỹ sẽ bị thua thiệt nhiều và phải rút hết quân, “ta sẵn sàng cho nó rút có thể diện”⁽¹³⁾.

Ba là, coi trọng quan hệ với nước lớn.

Quan hệ với Trung Quốc chiếm vị trí trung tâm trong các mối quan tâm đối ngoại và ứng xử ngoại giao của Hồ Chí Minh với các nước lớn. Từ khi trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người đã mang lại nhiều nội dung mới mẻ cho quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Bí quyết thành công của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quan hệ với Trung Quốc là đã vận dụng được kinh nghiệm ngoại giao của ông cha ta và ứng xử phù hợp với truyền thống lịch sử của quan hệ Việt Nam và Trung Quốc; am hiểu sâu sắc văn hoá Trung Hoa; đề cao những điểm tương đồng giữa hai dân tộc; gắn kết mối quan hệ thân thiết với nhân dân và có sự hiểu biết, thân tình và tôn trọng lẫn nhau với các nhà lãnh đạo Trung Quốc; đồng thời khéo xử lý quan hệ Việt Nam - Trung Quốc phù hợp với các mối quan hệ toàn cầu mới và trong sự tương tác với các nước lớn khác, kể cả đồng minh hay đối phương của Việt Nam. Đúng ngày 2-9-1945, Bác gửi thư cho toàn thể Hoa kiều ở Việt Nam. Bức thư có đoạn: “tôi xin thay mặt Chính phủ nhân dân lâm thời Việt Nam và toàn dân Việt Nam đưa bàn tay nồng nhiệt hoan nghênh anh em Hoa kiều sinh sống trên đất nước ta, mong rằng anh em hai nước chúng ta thân mật đoàn kết, có việc gì thì giải quyết với nhau theo nguyên tắc hợp pháp hợp lý với thái độ kính trọng nhường nhịn lẫn nhau, không được vì những việc tranh chấp nhỏ của cá nhân mà gây điều bất hạnh ngăn cách giữa hai dân tộc”⁽¹⁴⁾. Ngày 23-10-1945, trả lời câu hỏi về thái độ của Chính phủ Việt Nam đối với Trung Quốc, Bác nhân mạnh truyền thống hữu nghị lâu đời giữa hai nước

về mọi phương diện văn hóa, chính trị, kinh tế. “Cái quan hệ ấy ngày càng thêm sâu xa, mà có thể càng thêm mật thiết”. Chính sách của Việt Nam đối với Trung Hoa “lúc này tóm lại là phải thân thiện”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người giải quyết thành công các vấn đề nảy sinh giữa Trung Quốc và Việt Nam, tăng cường hợp tác, đấu tranh có lý, có tình, vượt qua các khó khăn, thử thách, thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp, ổn định, thông cảm, tôn trọng lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Chính phủ và nhân dân hai nước, cũng như quan hệ cá nhân các nhà lãnh đạo, nhờ vậy đã tranh thủ được ở mức cao nhất sự ủng hộ vật chất và tinh thần to lớn của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng quan hệ với Mỹ. Ngày 26-8-1945, chỉ một ngày sau khi từ Việt Bắc về đến Hà Nội, Người mời cơm trưa Thiếu tá A. Pat-ti, chỉ huy đơn vị OSS (Office of Strategic Services - Cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ), trưởng toán Con Nai, và nói chuyện với A. Pat-ti đến 4 giờ chiều. Ngày 28-8-1945, Người dành phần lớn thời gian soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập. Ngày 29-8-1945, Người gặp lại A. Pat-ti và nói: muốn trao đổi với ông ta về một số kế hoạch hoạt động của Chính phủ lâm thời, trong đó có việc tổ chức ngày lễ Độc lập 2-9; Người cũng cho A. Pat-ti nghe bản dịch Tuyên ngôn Độc lập. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn Mỹ để qua đó thông báo cho các nước trong phe đồng minh và cả thế giới về nền độc lập của Việt Nam, không phải chỉ vì quan hệ cá nhân giữa Người và A. Pat-ti mà còn vì Người thấy rõ vị trí của Mỹ đối với cuộc đấu tranh giành độc lập của Việt Nam trong bối cảnh cả Pháp và Tưởng cùng thuộc phe đồng minh, nhưng đều đe dọa nền độc lập của Việt Nam; còn nước Mỹ, ngay sau khi các

(12) Nguyễn Phúc Luân: *Ngoại giao Việt Nam trong cuộc dựng đầu lịch sử*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 248

(13) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 10, tr. 345

(14) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 4, tr. 6

lực lượng đồng minh đánh bại trục phát-xít, lập trường chống chủ nghĩa thực dân của Tổng thống Mỹ Ph. Ru-dơ-ven vẫn chưa thay đổi. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh trao đổi với A. Pat-ti về kế hoạch làm việc của Chính phủ lâm thời, về việc quân Tưởng vào Việt Nam và về “Chương trình quốc hữu hóa” của Chính phủ đối với một số ngành kinh tế quan trọng có thể nhằm gửi một tín hiệu tới Chính phủ Mỹ, tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ đối với nền độc lập của Việt Nam hoặc ít nhất là để Mỹ có thái độ trung lập. Ngày 30-8-1945, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời gửi công điện cho Tổng thống Mỹ H. Tru-man yêu cầu Mỹ tham gia Ủy ban liên tịch các nước đồng minh giải quyết các vấn đề ở Việt Nam, yêu cầu Mỹ đặt quan hệ với Chính phủ Việt Nam và cho Chính phủ Việt Nam tham gia Ủy ban đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi bức điện đó nhằm hai mục đích: tranh thủ sự có mặt vô tư của Mỹ trong các cuộc thương lượng giữa Tưởng và Pháp, vì họ có thể làm nguy hại cho nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; và, khuyến khích các nước đồng minh công nhận Chính phủ lâm thời Việt Nam là đại diện duy nhất và hợp pháp của nhân dân Việt Nam trong các vấn đề có liên quan đến chủ quyền của Việt Nam⁽¹⁵⁾.

Bôn là, xử lý hài hòa quan hệ với các nước lớn. Trong giai đoạn 1945 - 1946, khi vận mệnh đất nước ở vào thế “ngàn cân treo sợi tóc”, với cương vị là người lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời trực tiếp triển khai các hoạt động đối ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Tưởng và Pháp để bảo vệ nền độc lập, bảo vệ chính quyền non trẻ, giành được thời gian quý báu để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thực hiện sách lược “hòa với Tưởng để đánh Pháp”. Sau Cách mạng Tháng Tám, đất nước ta đứng trước thử thách nghiêm trọng: gần 20 vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc, quân Anh tiếp tay cho thực dân Pháp quay lại Đông Dương, khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp, các tổ chức phản động ráo riết hoạt động; nạn đói ở miền Bắc

chưa được khắc phục. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta xác định: kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, cần thực hiện sách lược hoà hoãn, nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng ở miền Bắc để tập trung đánh Pháp ở miền Nam. Theo đó, ta đã hết sức kiềm chế trước những hành động khiêu khích của quân đội Tưởng và tay sai, cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng trong khi nhân dân ta đang bị đói; mở rộng Chính phủ lâm thời, tăng thêm 70 ghế cho Việt quốc, Việt cách không qua bầu cử, đưa một số đại diện của các đảng đối lập này làm thành viên của Chính phủ liên hiệp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu; thậm chí, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, nhưng thực tế là rút vào hoạt động bí mật, giữ vững vai trò lãnh đạo chính quyền và nhân dân. Để phối hợp hoạt động bí mật và công khai, Đảng đề một bộ phận công khai dưới danh hiệu Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương. Đây là một sự nhân nhượng có nguyên tắc: ta vẫn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, giữ vững chính quyền cách mạng và mục tiêu độc lập thống nhất, dựa chắc vào khối đại đoàn kết dân tộc, vạch trần những hành động phản dân, hại nước của bọn tay sai của Tưởng và nghiêm trị theo pháp luật những tên tay sai gây tội ác khi có đủ bằng chứng. Với sách lược này, ta đã ngăn chặn được sự cấu kết giữa Pháp và Tưởng, tập trung lực lượng đấu tranh với kẻ thù chính là Pháp, đồng thời củng cố được lực lượng của ta.

Sách lược hòa với Pháp để đuổi Tưởng. Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết tại Trùng Khánh. Theo Hiệp ước này, Tưởng cho Pháp thay quân đội Tưởng ở miền Bắc nước ta với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật; Pháp trả cho Tưởng các tô giới của Pháp ở Trung Quốc và đường xe lửa Vân Nam và một số quyền lợi khác. Để phá sự phối hợp giữa Tưởng và Pháp, tránh cho đất nước

(15) Xem: L.A. Patti: *Why Vietnam? (Tại sao Việt Nam?)*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1995, tr. 238

không bị rơi vào thế “lưỡng đầu thọ địch” (hai đầu gặp địch), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã ra quyết sách lịch sử, sáng suốt: Hòa để tiến. Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta đã ký với đại diện của Pháp ở Hà Nội bản Hiệp định sơ bộ. Với Hiệp định này, ta tránh được tình thế bất lợi: phải chiến đấu cùng một lúc với nhiều kẻ thù; buộc họ phải công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, có Chính phủ tự chủ, có nghị viện, có quân đội và tài chính riêng; ta có thêm thời gian hòa hoãn cần thiết để tiếp tục xây dựng, củng cố chính quyền và mọi mặt khác chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài về sau. Đồng thời, ta cũng tỏ rõ thiện chí hòa bình, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới không muốn chiến tranh xảy ra, từ đó tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới.

Người cũng khéo léo thực hiện *ngoại giao cân bằng với Liên Xô và Trung Quốc* khi hai nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa có những bất đồng trong các vấn đề quốc tế. Việt Nam đã xử lý thành công những tác động tiêu cực của bất đồng Liên Xô - Trung Quốc trong những năm 1960 - 1970 để tránh cái hại, phát huy cái lợi, giữ gìn được mối quan hệ hữu nghị với Liên Xô cũng như với Trung Quốc, tranh thủ sự ủng hộ của cả hai nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc. Đó thực chất là sự ứng xử khéo léo đạt đến trình độ nghệ thuật.

Ngày nay, thời thế đã thay đổi, thế và lực của đất nước ta cũng như nhiệm vụ đối ngoại có nhiều điểm khác trước, nhưng những nguyên lý cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về xử lý quan hệ với các nước lớn vẫn là “cẩn nang” vô giá cho nền ngoại giao Việt Nam. Người đã dạy: “Làm gì cũng vì quyền lợi dân tộc mà làm”. Những bài học rút ra ở trên đã thể hiện rõ ràng “cái khéo” trong cách làm, cụ thể là trong cách thức nền ngoại giao Việt Nam dưới sự dẫn dắt và chỉ bảo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh xử lý quan hệ với các nước lớn qua các giai đoạn cách mạng cụ thể.

Cái khéo trước tiên phải dựa trên sự mẫn tiệp. Người ta cương thì mình phải nhu, phải khôn khéo lấy nhu thắng cương thì mới là biết mình biết người, và phải hiểu cả hai bên mới có thể làm tròn nhiệm vụ. Nếu diễn giải bằng ngôn từ hiện đại, có thể thấy rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh rất am hiểu các nước lớn - dù là đồng minh hay đối thủ, biết được mối quan tâm và chiến lược cơ bản của họ, hiểu bản chất và vận hành của nội trị và ngoại giao từng nước lớn, quan hệ hợp tác và đấu tranh giữa các nước lớn và những giới hạn của các mối quan hệ đó. Đồng thời, hiểu rõ vị trí địa - chiến lược của nước ta, lợi ích của nước lớn trong quan hệ với ta và làm sao đáp ứng các lợi ích đó trong khuôn khổ giữ vững nguyên tắc thì mới thiết lập được các quan hệ đối tác chiến lược thực chất và có lợi nhất, mới tối ưu hóa lợi ích quốc gia của mình.

Đó còn là phải tạo dựng được mối quan hệ thỏa đáng với từng nước lớn, không vì quan hệ với nước lớn này mà gây ra đối kháng với nước lớn khác; giải quyết quan hệ trước mắt đồng thời tính cả đến hệ quả và chiều hướng phát triển lâu dài; đồng thời luôn đặt mối quan hệ trong tổng thể các mối quan hệ khu vực và toàn cầu. Đây là những điều không thể thiếu để nước nhỏ có đối sách đúng đắn và hiệu quả trong quan hệ quốc tế ngày nay khi các nước lớn vẫn còn chi phối ở mức độ cao đời sống chính trị quốc tế.

Đứng trên quan điểm của nước nhỏ, việc nhìn nhận và đánh giá thấu đáo chiến lược của các nước lớn không phải là điều dễ dàng. Về điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Muốn đi cho đúng với thời cuộc, chúng ta nên đặt lý trí lên trên cảm tính. Và muốn nhận định thời cuộc, chúng ta không thể không đứng ở địa vị khách quan”⁽¹⁶⁾. Đó là sự chỉ bảo của Người đối với các cán bộ đối ngoại là phải tăng cường công tác nghiên cứu quan hệ quốc tế, nhất là nghiên cứu chiến lược các nước lớn, sử dụng các phương pháp khoa học tiên tiến và khách quan nhất. □

(16) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 4, tr. 205